

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 24

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 08 tháng từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai, một doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước. Ngày 16 tháng 08 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600274914 ngày 07 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 theo văn bản số 8835/UBND-KT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 304/UBCK-GSDC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300 tỷ VND.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lương Minh Hiền	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 08/10/2015)
Ông Bạch Văn Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/10/2015)
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên
Bà Trần Võ Hoài Hương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên
Bà Quách Ngọc Bửu	Thành viên
Ông Võ Thành Tâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Ngô Thị Châu Loan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Bích Chương	Thành viên
Bà Nguyễn Bách Thảo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bạch Văn Hiền	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015)
Ông Võ Thành Tín	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015)
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015)
Bà Quách Ngọc Bửu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Bạch Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2016



Số: 17.143/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên các thông tin Ban Tổng Giám đốc đã cung cấp cho chúng tôi, lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước đang được Công ty ghi nhận và phân bổ trong thời gian 10 năm theo hướng dẫn tại thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 08 năm 2012 thay vì được phân bổ cho thời gian là 03 năm theo hướng dẫn tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đánh giá của Ban Giám đốc và kiểm tra của chúng tôi, nếu Công ty áp dụng phân bổ khoản lợi thế thương mại phát sinh khi cổ phần hóa trong thời gian 03 năm như quy định tại Thông tư 200 thì chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giảm xuống là 2,86 tỷ đồng và khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn", khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ giảm đi khoản tương ứng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/10/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toán phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 23/12/2015.



Lục Thị Vân

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính; kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/11/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		240.293.333.528	231.734.441.483
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	71.115.687.823	58.999.066.700
1. Tiền	111		12.851.194.628	43.817.681.645
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.264.493.195	15.181.385.055
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.275.216.421	158.900.506.276
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	151.424.127.664	150.842.013.961
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.4)	2.541.694.915	6.020.404.315
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.5)	2.309.393.842	2.038.088.000
III. Hàng tồn kho	140		12.688.764.193	9.988.957.183
1. Hàng tồn kho	141	(5.6)	12.688.764.193	9.988.957.183
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		213.665.091	3.845.911.324
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			266.360.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		213.665.091	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.11)		3.579.551.324
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		226.761.747.380	142.484.824.888
I. Tài sản cố định	220		95.031.441.696	72.038.003.728
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.8)	95.031.441.696	72.038.003.728
Nguyên giá	222		215.307.246.425	181.581.999.912
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.275.804.729)	(109.543.996.184)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		106.854.945.206	44.126.445.534
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.7)	106.854.945.206	44.126.445.534
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.500.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	(5.2)	7.500.000.000	7.500.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		17.375.360.478	18.820.375.626
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.9)	17.321.800.584	18.820.375.626
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		53.559.894	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		467.055.080.908	374.219.266.371

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/11/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		141.889.358.059	66.768.689.009
I. Nợ ngắn hạn	310		141.889.358.059	66.768.689.009
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.10)	9.229.672.302	8.305.604.823
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		655.176.761	685.940.629
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.11)	5.160.628.570	3.551.068.264
4. Phải trả người lao động	314	(5.12)	29.766.049.862	26.805.473.109
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.13)	5.121.234.095	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		553.941.788	105.681.811
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.14)	74.140.914.894	7.528.890.959
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.15)	17.261.739.787	19.786.029.414
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		325.165.722.849	307.450.577.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16)	325.165.722.849	307.443.672.962
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	(5.16.2)	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418			4.917.088.760
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.165.722.849	23.901.202
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a			23.901.202
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.165.722.849	
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			2.502.683.000
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			6.904.400
1. Nguồn kinh phí	431			6.904.400
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		467.055.080.908	374.219.266.371

Phê Duyệt



Bạch Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZIĐịa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(5.17)	213.864.533.435	199.496.917.242
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		213.864.533.435	199.496.917.242
3. Giá vốn hàng bán	11	(5.18)	168.860.302.517	158.662.828.179
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.004.230.918	40.834.089.063
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(5.19)	1.574.054.050	1.806.682.006
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(5.20)	15.319.548.135	13.803.521.069
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.258.736.833	28.837.250.000
8. Thu nhập khác	31		836.334.877	1.874.807.129
9. Chi phí khác	32		212.326.377	2.414.669.046
10. Lợi nhuận khác	40		624.008.500	(539.861.917)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.882.745.333	28.297.388.083
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(5.22)	6.770.582.378	6.227.080.955
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(53.559.894)	
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.165.722.849	22.070.307.128
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.16.5)	839	
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.16.5)	839	



Phê Duyệt

Bạch Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.882.745.333	28.297.388.083
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	(5.8)	11.238.152.563	13.644.254.421
Các khoản dự phòng	03			(1.094.716.935)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.488.483.229)	(1.767.182.006)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		41.632.414.667	39.079.743.563
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.666.336.933	24.860.749.858
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.699.807.010)	8.863.462.790
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		903.864.981	(4.839.798.457)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.764.935.042	310.440.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.11)	(190.236.110)	(1.172.638.595)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.229.061.453	222.300.607
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.662.698.781)	(4.873.672.608)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.643.871.175	62.450.587.158
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(32.033.622.128)	(13.073.424.426)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		506.372.076	1.806.682.006
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31.527.250.052)	(11.266.742.420)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		12.116.621.123	51.183.844.738
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		58.999.066.700	42.618.094.131
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		71.115.687.823	93.801.938.869



Phê Duyệt

[Handwritten signature]

Bạch Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập

[Handwritten signature]

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai, một doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước. Ngày 16 tháng 08 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600274914 ngày 07 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 theo văn bản số 8835/UBND-KT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 304/UBCK-GSĐC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300 tỷ VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/11/2015	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp	192.128.460.000	64,04	192.128.460.000	64,04
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	39.000.000.000	13,00	39.000.000.000	13,00
Khác	68.871.540.000	22,96	68.871.540.000	22,96
Cộng	300.000.000.000	100,00	300.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 783 (31 tháng 10 năm 2015 là 760).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đô thị môi trường.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Quét dọn đường phố, vỉa hè. Dịch vụ lau dọn vệ sinh;
- Thu gom rác thải sinh hoạt. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế). Xử lý nước thải;
- Kinh doanh và tái chế phế liệu, sản xuất phân hữu cơ
- Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường;
- Quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố. Mua bán, trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh, hoa kiểng các loại. Thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình công viên cây xanh.
- Quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Dịch vụ mai táng, hỏa táng, xây mộ. Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác nghĩa trang,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12; riêng năm tài chính đầu tiên sau cổ phần hóa được bắt đầu kể từ ngày 01/11/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2016.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 08 tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2015.

5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Tiền mặt	1.757.465.532	908.044.081
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.093.729.096	42.909.637.564
Các khoản tương đương tiền	58.264.493.195	15.181.385.055
Cộng	71.115.687.823	58.999.066.700

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ toán 08 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (mã chứng khoán SDV), số lượng 500.000 cổ phiếu.

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Phòng Tài chính kế hoạch Biên Hòa	133.265.325.382	129.619.738.954
Các khách hàng khác	18.158.802.282	21.222.275.007
Cộng	151.424.127.664	150.842.013.961
Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 5.24:		
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	236.852.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	159.473.600	48.084.600
Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp	8.712.000	10.054.000
Các bên liên quan khác	38.291.521	14.454.500
Cộng	443.329.121	72.593.100

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Cầu đường Trương Hoàng Long	984.035.600	-
Công ty TNHH Môi Trường Mỹ Ý Lan	568.983.750	-
Vietravel Chi nhánh Đồng Nai	329.138.750	-
Trung tâm truyền thông và tư vấn môi trường	300.000.000	300.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Kiến Minh	208.749.000	951.505.600
Công ty TNHH ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	-	4.035.000.000
Các nhà cung cấp khác	150.787.815	733.898.715
Cộng	2.541.694.915	6.020.404.315

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/11/2015 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi tiền gửi	1.067.681.974	-	-	-
Phải thu người lao động	232.935.025	-	134.223.025	-
Ký cược, ký quỹ	171.293.690	-	-	-
Phải thu về cổ phần hoá	-	-	988.716.180	-
Phải thu khác	837.483.153	-	915.148.795	-
Cộng	2.309.393.842	-	2.038.088.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/11/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.461.541.891	-	997.882.839	-
Công cụ, dụng cụ	847.123.262	-	980.826.990	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.813.068.271	-	7.453.681.836	-
Các công trình giao thông	3.802.372.075	-	3.460.751.462	-
Các công trình chiếu sáng	5.988.268.196	-	3.322.581.374	-
Các công trình trồng cây xanh	22.428.000	-	670.349.000	-
Hàng hóa	567.030.769	-	556.565.518	-
Cộng	12.688.764.193	-	9.988.957.183	-

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/11/2015
	VND	VND
Công trình khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu	90.358.144.404	42.786.113.605
Công trình lò đốt rác y tế	352.909.828	386.278.400
Công trình bãi xử rác Trảng Dài	161.139.218	161.139.218
Công trình đường vào nghĩa trang Long Thành	15.808.533.000	-
Công trình đường vào khu xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp	-	677.699.129
Công trình khác	174.218.756	115.215.182
Cộng	106.854.945.206	44.126.445.534

Trong đó, giá trị xây dựng cơ bản dở dang của hai công trình chưa bàn giao lại cho ngân sách nhà nước chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016
	VND
Công trình khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu	46.326.161.807
Công trình đường vào nghĩa trang Long Thành	15.808.533.000
Cộng	62.134.694.807

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình
 Khoản mục**

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Tại ngày 01/11/2015	102.035.422.860	36.418.471.193	42.904.636.323	223.469.536	181.581.999.912
Mua trong kỳ	-	88.500.000	22.099.221.830	64.136.364	22.251.858.194
Đầu tư XDCB hoàn thành	12.065.303.159	-	-	-	12.065.303.159
Tăng khác	120.801.492	-	39.500.000	-	160.301.492
Thanh lý, nhượng bán	-	(48.500.000)	(595.000.000)	-	(643.500.000)
Giảm khác	(108.716.332)	-	-	-	(108.716.332)
Tại ngày 30/06/2016	114.112.811.179	36.458.471.193	64.448.358.153	287.605.900	215.307.246.425
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/11/2015	70.156.422.036	13.448.910.684	25.718.360.598	220.302.866	109.543.996.184
Khấu hao trong kỳ	3.268.065.202	2.029.296.173	5.932.814.292	7.976.896	11.238.152.563
Tăng khác	120.801.492	-	39.500.000	-	160.301.492
Thanh lý, nhượng bán	-	(943.056)	(556.986.122)	-	(557.929.178)
Giảm khác	(108.716.332)	-	-	-	(108.716.332)
Tại ngày 30/06/2016	73.436.572.398	15.477.263.801	31.133.688.768	228.279.762	120.275.804.729
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/11/2015	31.879.000.824	22.969.560.509	17.186.275.725	3.166.670	72.038.003.728
Tại ngày 30/06/2016	40.676.238.781	20.981.207.392	33.314.669.385	59.326.138	95.031.441.696

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 46.174.413.119 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	176.770.000	450.700.000
Lợi thế kinh doanh	17.145.030.584	18.369.675.626
Cộng	17.321.800.584	18.820.375.626

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được Công ty ghi nhận và phân bổ trong thời gian 10 năm theo hướng dẫn tại thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 08 năm 2012 về hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/11/2015 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Tự Cường Tự Phát	1.204.237.760	1.204.237.760	-	-
Công ty CP Công trình giao thông Đồng Nai	3.110.837.172	3.110.837.172	3.110.837.172	3.110.837.172
Trạm xăng dầu Bến xe Biên Hòa	982.146.800	982.146.800	961.936.190	961.936.190
Phải trả cho các đối tượng khác	3.932.450.570	3.932.450.570	4.232.831.461	4.232.831.461
Cộng	9.229.672.302	9.229.672.302	8.305.604.823	8.305.604.823
Trong đó, phải trả các bên liên quan – Xem thêm mục 5.24:				
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	3.110.837.172	3.110.837.172	3.110.837.172	3.110.837.172

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/11/2015 VND		Số phát sinh VND		Tại ngày 30/06/2016 VND
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.424.633.482	11.395.259.258	10.732.109.609	2.087.783.131
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.577.551.324	-	6.770.582.378	190.236.110	3.002.794.944
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.126.434.782	1.485.095.421	3.552.431.004	59.099.199
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	491.177.559	480.226.263	10.951.296
Các loại thuế khác	2.000.000	-	10.000.000	8.000.000	-
Cộng	3.579.551.324	3.551.068.264	20.152.114.616	14.963.002.986	5.160.628.570

5.12. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2016 còn phải trả cho người lao động.

5.13. Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải - phần nắp hố rác SH5	3.213.593.636	-
Trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.907.640.459	-
Cộng	5.121.234.095	-

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.14. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Chi phí xử lý rác sinh hoạt hộ dân cho Phòng Tài chính kế hoạch Biên Hòa	5.529.606.497	6.070.981.236
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	151.628.254	147.774.956
Kinh phí công đoàn	373.484.020	74.194.530
Phải trả về cổ phần hóa	12.900	1.068.010.027
Các khoản phải trả khác	146.884.960	167.930.210
Các khoản phải trả ngân sách nhà nước	67.939.298.263	-
Chi phí giải phóng mặt bằng Huyện Vĩnh Cửu	46.326.161.807	-
Chi phí dự án Đường vào Nghĩa trang Long Thành	15.920.036.000	-
Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai	1.056.299.208	-
Chi phí dự án lò đốt rác y tế	4.636.801.248	-
Cộng	74.140.914.894	7.528.890.959

5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Quỹ khen thưởng	8.099.596.497	9.750.437.461
Quỹ phúc lợi	9.162.143.290	9.619.592.640
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	415.999.313
Cộng	17.261.739.787	19.786.029.414

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,

Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.16. Vốn chủ sở hữu****5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/11/2014	112.798.299.110	-	127.351.314.033	40.103.433.021	50.129.979.398	330.383.025.562
Lãi từ ngày 1/11/2014 đến 30/6/2015	-	-	-	-	22.070.307.128	22.070.307.128
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	11.008.660.423	(11.008.660.423)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(41.009.404.381)	(41.009.404.381)
Tặng khác	-	32.393.297.994	289.081.000	-	-	32.682.378.994
Giảm khác	-	(108.716.332)	(62.134.694.807)	-	-	(62.243.411.139)
Số dư tại ngày 30/06/2015	112.798.299.110	32.284.581.662	65.505.700.226	51.112.093.444	20.182.221.722	281.882.896.164
Lỗ từ 1/7/2015 đến 31/10/2015	-	-	-	-	(210.892.172)	(210.892.172)
Tặng vốn	187.201.700.890	32.284.581.662)	(65.216.619.226)	(51.112.093.444)	(3.581.033.685)	35.007.372.873
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.917.088.760	(4.917.088.760)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(11.449.305.903)	(11.449.305.903)
Tặng khác	-	-	2.213.602.000	-	-	2.213.602.000
Số dư tại ngày 01/11/2015	300.000.000.000	-	2.502.683.000	4.917.088.760	23.901.202	307.443.672.962
Lãi từ ngày 1/11/2015 đến 30/6/2016	-	-	-	-	25.165.722.849	25.165.722.849
Giảm khác	-	-	(2.502.683.000)	(4.917.088.760)	(23.901.202)	(7.443.672.962)
Số dư tại ngày 30/06/2016	300.000.000.000	-	-	-	25.165.722.849	325.165.722.849

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/11/2015 VND
Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp	192.128.460.000	192.128.460.000
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng BMT	39.000.000.000	39.000.000.000
Khác	68.871.540.000	68.871.540.000
Cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

5.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu kỳ	300.000.000.000	112.798.299.110
Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	112.798.299.110

5.16.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/11/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.16.5. Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi /(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	25.165.722.849	22.070.307.128
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	-
Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu	839	-

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu không được tính toán cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 do Công ty còn là công ty TNHH Một thành viên.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	767.256.339	699.610.511
Doanh thu cung cấp dịch vụ	213.097.277.096	198.797.306.731
Cộng	213.864.533.435	199.496.917.242
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan là các công ty liên kết – Xem thêm mục 5.24:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	270.255.908	492.871.819
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	267.602.000	-
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	215.320.000	27.138.182
Các công ty trong cùng tập đoàn	233.832.000	623.767.636
Cộng	987.009.908	1.143.777.637

5.18. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	549.369.530	450.086.497
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	168.310.932.987	158.212.741.682
Cộng	168.860.302.517	158.662.828.179

5.19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.574.054.050	1.056.682.006
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	750.000.000
Cộng	1.574.054.050	1.806.682.006

5.20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.310.491.387	7.309.358.554
Chi phí vật liệu quản lý	424.567.746	562.041.165
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.298.805.282	772.316.611
Chi phí khấu hao tài sản cố định	701.827.422	673.532.272
Thuế, phí và lệ phí	962.681.634	679.098.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	614.366.994	501.604.949
Chi phí bằng tiền khác	5.006.807.670	3.305.568.788
Cộng	15.319.548.135	13.803.521.069

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.672.658.805	64.904.927.846
Chi phí nhân công	86.032.347.248	74.388.126.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.238.152.563	13.644.254.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.582.261.295	7.025.383.976
Chi phí khác bằng tiền	13.872.582.427	9.924.946.335
Cộng	<u>186.398.002.338</u>	<u>169.887.639.386</u>

5.22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tạm tính trên thu nhập chịu thuế cho kỳ kế toán được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	31.882.745.333	28.297.388.083
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	978.620.664	8.750.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	32.861.365.997	28.306.138.083
Chi phí thuế TNDN với mức thuế suất 22%	2.181.400.965	6.227.080.955
Chi phí thuế TNDN với mức thuế suất 20%	4.589.181.413	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	<u>6.770.582.378</u>	<u>6.227.080.955</u>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không có hóa đơn chứng từ và chi phí khấu hao tương ứng với phần chi phí trích trước chưa có chứng từ.

5.23. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Xúc vận chuyên rác;
- Thu gom rác phố;
- Xử lý rác;
- Hoạt động khác.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

	<u>Xúc vận chuyên rác</u>		<u>Thu gom rác phố</u>		<u>Xử lý rác</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này 000'VND	Kỳ trước 000'VND	Kỳ này 000'VND	Kỳ trước 000'VND	Kỳ này 000'VND	Kỳ trước 000'VND	Kỳ này 000'VND	Kỳ trước 000'VND	Kỳ này 000'VND	Kỳ trước 000'VND
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	75.071.860	68.450.341	27.794.046	22.898.567	32.357.268	11.071.527	78.641.359	97.076.482	213.864.533	199.496.917
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	75.071.860	68.450.341	27.794.046	22.898.567	32.357.268	11.071.527	78.641.359	97.076.482	213.864.533	199.496.917
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	16.556.297	22.998.074	2.574.207	(2.019.096)	9.255.336	(4.564.542)	16.618.392	24.419.652	45.004.231	40.834.089
Chi phí không phân bổ									16.893.602	15.610.203
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									30.308.691	26.490.706
Thu nhập tài chính									1.574.054	1.806.682
Chi phí tài chính									-	-
Lợi nhuận trước thuế									31.882.745	28.297.388
Thuế thu nhập doanh nghiệp									6.717.022	6.227.081
Lợi nhuận sau thuế									25.165.723	22.070.307

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	<u>Xúc vãn chuyển rác</u>		<u>Thu gom rác phổ</u>		<u>Xử lý rác</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Tổng công</u>	
	Tại ngày 30/06/2016 000'VND	Tại ngày 01/11/2015 000'VND	Tại ngày 30/06/2016 000'VND	Tại ngày 01/11/2015 000'VND	Tại ngày 30/06/2016 000'VND	Tại ngày 01/11/2015 000'VND	Tại ngày 30/06/2016 000'VND	Tại ngày 01/11/2015 000'VND	Tại ngày 30/06/2016 000'VND	Tại ngày 01/11/2015 000'VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	31.093.116	13.954.061	-	-	12.504.629	1.865.755	51.433.697	56.218.188	95.031.442	72.038.004
									372.494.680	302.181.263
Tổng tài sản									467.526.121	374.219.266
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ									142.360.398	66.768.689
Tổng nợ phải trả									142.360.398	66.768.689

Kỳ này 000'VND	Kỳ trước 000'VND
(32.033.622)	(13.073.424)
11.238.153	13.644.254

Chi phí mua sắm tài sản
 trong kỳ
 Chi phí khấu hao trong
 kỳ

Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Tỉnh Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh, vì vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.24. Thông tin về các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
2. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết với Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	Công ty trong cùng tập đoàn
3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc	Nhân viên quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn – Xem thêm mục 5.3:		
Công ty mẹ	8.712.000	10.054.000
Công ty trong cùng tập đoàn	434.617.121	62.539.100
Cộng	<u>443.329.121</u>	<u>72.593.100</u>
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.10:		
Các công ty trong cùng tập đoàn	(3.110.837.172)	(3.110.837.172)

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 5.17:		
Các công ty trong cùng tập đoàn	987.009.908	1.143.777.637
Mua hàng:		
Công ty trong cùng tập đoàn	774.722.794	644.988.476
Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:		
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao Hội đồng quản trị	224.000.000	199.325.320
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	566.400.000	856.515.711
Cộng	<u>969.800.000</u>	<u>1.055.841.032</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.25. Số liệu so sánh

Ngày 01/11/2015 Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Môi Trường Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/11/2015 đến ngày 30/06/2016. Do đó, những thông tin so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tương ứng với số liệu của báo cáo tài chính của kỳ trước cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/06/2015.

5.26. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 08 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 12 tháng 08 năm 2016.

Phê Duyệt 


Bạch Văn Hiến
Tổng Giám đốc
Biên Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập




Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

